

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI LAI
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 20 – 5 – 2024.

V/v: “Xin ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI LAI – THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa Phiên tòa: Ông Phan Nguyễn Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Thanh Dũng

Ông Lý Hồng Hạnh

- Thư ký Phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Lai.

Ngày 20 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 18/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024 về việc “xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 256/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Út H, sinh năm 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Võ Thanh V, sinh năm 1966 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày và yêu cầu:

Bà và ông Võ Thanh V do quen biết, được hai bên gia đình đứng ra tác hợp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 13/01/2001 tại Ủy ban nhân dân xã Trường Xuân, huyện Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có 02 người con chung. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường hay cự cãi. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên bà yêu cầu ly hôn với ông Võ Thanh V.

Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Thị Kim K, sinh năm 2001 và Võ Phúc K, sinh năm 2005. Tất cả đã trưởng thành, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày:*

Ông và vợ ông do quen biết, được hai bên gia đình đứng ra tác hợp, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn vào ngày 13/01/2001 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện O, thành phố Cần Thơ. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có 02 người con chung tên Võ Thị Kim K, sinh năm 2001 và Võ Phúc K, sinh năm 2005. Nguyên nhân là do vợ ông thiếu nợ bỏ nhà đi 3, 4 năm mới quay về. Ông ở nhà lo làm ăn trả nợ, nuôi con. Ông không bạo lực gia đình, không ăn chơi, không gây nợ nần. Ông thấy vợ ông chơi với những người không đàng hoàng, ông động viên vợ ông không nên chơi với họ nữa thì vợ chồng cự cãi. Nay vợ ông xin ly hôn, ông không đồng ý vì lo cho các con, muốn vợ chồng đoàn tụ để lo làm ăn.

Nếu vợ ông cương quyết ly hôn thì ông yêu cầu chia đôi, vợ chồng có nghĩa vụ trả $\frac{1}{2}$ số nợ, bao gồm: Nợ Ngân hàng TMCP Đông Á số tiền vốn 60.000.000 đồng, 03 năm không nộp tiền lãi; Nợ bà Nguyễn Thị H, ấp TN, xã T 4 cây 2 chỉ vàng 24K không nhớ rõ thời gian, chỉ nhớ lúc vợ ông gặp nạn; Nợ ông Nguyễn Phong P địa chỉ ấp T, xã T số tiền gốc và lãi tính đến nay là 380.000.000 đồng.

Vợ chồng đã bán hết các tài sản chung để trả nợ cho vợ ông nên không còn tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn; bị đơn giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Nguyễn Thị Út H có đơn yêu cầu xin ly hôn với ông Võ Thanh V nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp xin ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại biên bản hòa giải ngày 21/3/2024, ông Võ Thanh V trình bày và yêu cầu chia đôi nợ chung. Tòa án đã dành thời gian để ông V nộp đơn yêu cầu phản tố theo quy định nhưng ông V không nộp đơn yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa ông V trình bày không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, Tòa án không xem xét tài sản chung, nợ chung trong vụ kiện này. Các đương sự được quyền khởi kiện thành vụ án khác theo quy định khi có tranh chấp.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Út H và ông Võ Thanh V tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Bà Nguyễn Thị Út H trình bày cuộc sống vợ chồng hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp, thường hay cự cãi, dần dần tình cảm vợ chồng không còn, nhưng vì thương con nên bà nhẫn nhịn, hiện tại ông bà đã sống ly thân, bà cương quyết ly hôn. Ông Võ Thanh V trình bày nguyên nhân mâu thuẫn là do bà H thiếu nợ bỏ đi 3, 4 năm mới về, ông thấy vợ ông chơi với người không đáng hoàng, ông khuyên nhủ nên mới phát sinh cự cãi. Tại phiên tòa, ông V thừa nhận do bức tức, khuyên can bà H không nghe nên có hăm dọa bà H. Nhưng còn thương vợ, muốn đoàn tụ để vợ chồng lo làm ăn, lo cho các con nên ông không đồng ý ly hôn. Hôn nhân là sự tự nguyện của cả hai vợ chồng cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Vợ chồng chung sống phải tôn trọng, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Út H và ông Võ Thanh V đã mâu thuẫn nghiêm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Út H.

[3.2] Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Võ Thị Kim K, sinh năm 2001 và Võ Phúc K, sinh năm 2005. Tất cả đã trưởng thành, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận ý kiến của bà Nguyễn Thị Út H và ông Võ Thanh V không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp thì khởi kiện thành vụ án khác.

[4] Từ những nhận định trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Út H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Út H.
2. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Út H ly hôn ông Võ Thanh V.
3. Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Võ Thị Kim K, sinh năm 2001 và Võ Phúc K, sinh năm 2005. Tất cả đã trưởng thành, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
4. Về tài sản chung, nợ chung: Ghi nhận ý kiến của các đương sự không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp thì khởi kiện thành vụ án khác.
5. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Út H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn. Chuyển 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Út H đã nộp theo biên lai thu số 0007482 ngày 31/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Lai, thành phố Cần Thơ thành án phí nên bà Vân không phải nộp thêm.
6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKS huyện Thới Lai;
- THA huyện Thới Lai;
- UBND xã T;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

Phan Nguyễn Minh Trí